TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v: "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Dương Hải Long**

Ông **Trương Minh Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thái Lâm** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lương Thị L,** sinh năm 1977; cư trú tại: tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn S,** sinh năm 1972; cư trú tại: tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.

Bà L có mặt, ông S vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày: bà và ông S chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ

chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông bà chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S tính tình cộc cằn, thô lỗ, thường xuyên đánh đập bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu tuyên bố không công nhận bà và ông S là vợ chồng.

Về con chung: có 03 con chung là Nguyễn Ái C sinh ngày 06/9/1996, Nguyễn Ái H, sinh ngày 26/01/2000, Nguyễn Ái Thanh X, sinh ngày 23/5/2011.

Về tài sản chung: bà L xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn S. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà L yêu cầu không công nhận bà và ông S là vợ chồng và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thanh X.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa; Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà L và ông S là vợ chồng, giao con chung Nguyễn Ái Thanh X cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn S đã được tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông S vẫn

vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định của pháp luật; Giữa bà L và ông S xảy ra mâu thuẫn, ông S và bà L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên bà L yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ chồng. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp là: "Không công nhận là vợ chồng" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn ông S có nơi cư trú tại thôn T, xã T, thành phố L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về hôn nhân: Tuy bà L và ông S chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, cần căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà L và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung: bà L xác định vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Ái C, sinh ngày 06/9/1996, Nguyễn Ái H, sinh ngày 26/01/2000, Nguyễn Ái Thanh X, sinh ngày 23/5/2011. Nguyễn Ái C và Nguyễn Ái H đã trưởng thành nên không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà L xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Ái Thanh X. Xét cháu Thanh X là con gái nên cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ, hơn nữa cháu Thanh X cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, mặt khác theo biên bản xác minh ngày 24/4/2018 tại xã T, thành phố L xác định bà L nuôi dưỡng con tốt. Do vậy, cần giao cháu Thanh X cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: bà L xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 58 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lương Thị L và ông Nguyễn S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ái Thanh X, sinh ngày 23/5/2011 cho bà Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí bà Lương Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ biên lai thu số AA/2016/0007938 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy